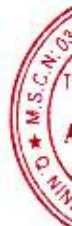


**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI – DỊCH  
VỤ VDA – HẬU GIANG**

**Báo cáo tài chính đã được kiểm toán  
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012**



## MỤC LỤC

	Trang
<b>BÁO CÁO CỦA TÔNG GIÁM ĐỐC</b>	1 – 2
<b>BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP</b>	3 – 4
<b>BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN</b>	
Bảng cân đối kế toán	5 – 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10
Thuyết minh báo cáo tài chính	11 – 23



CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI – DỊCH VỤ VDA – HẬU GIANG  
Khu Công Nghiệp Tân Phú Thạnh, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang  
**BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC**

Tổng Giám đốc Công ty hân hạnh đề trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty Cổ Phần Thương Mại – Dịch Vụ VDA – Hậu Giang cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012.

**1. Công ty**

Công ty Cổ Phần Thương Mại – Dịch Vụ VDA – Hậu Giang (“Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận đầu tư số 642031000002 của Ban quản lý Các Khu Công Nghiệp tỉnh Hậu Giang cấp lần đầu ngày 05 tháng 5 năm 2008 và Giấy Chứng nhận đầu tư thay đổi lần thứ 2 ngày 04 tháng 4 năm 2012.

Văn phòng của Công ty được đặt Khu Công Nghiệp Tân Phú Thạnh, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

Trong năm 2012, hoạt động chính của Công ty là kinh doanh hệ thống kho vận.

**2. Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Trường Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc**

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Trường Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc trong năm tài chính này và cho đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

**Hội đồng Quản trị**

Ông Vũ Tiến Dũng	Chủ tịch
Ông Trần Thành Nam	Thành viên
Bà Bùi Hạnh Thu	Thành viên

**Trường Ban kiểm soát**

Ông Dương Phú Phong	Trường ban kiểm soát
---------------------	----------------------

**Tổng Giám đốc**

Ông Huỳnh Văn Sơn	Tổng Giám đốc/ Bỏ nhiệm ngày 01/4/2012
Ông Lưu Đức Hòa	Tổng Giám đốc/ Miễn nhiệm ngày 31/3/2012

**3. Đánh giá tình hình kinh doanh**

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.

**4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh trong Báo cáo tài chính.

**5. Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm Toán AFC Việt Nam – chi nhánh Cần Thơ được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012.

**6. Công bố trách nhiệm của Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính**

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính và đảm bảo Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2012, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc vào cùng ngày của Công ty, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các



## BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Để lập Báo cáo tài chính này, Tổng Giám đốc Công ty được yêu cầu:

- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Trình bày các nguyên tắc kế toán đang được áp dụng, tùy thuộc vào sự khác biệt trọng yếu công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp; và
- Thiết lập, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm ngăn chặn và phát hiện gian lận và sai sót.

Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính của Công ty tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### 7. Công bố các báo cáo tài chính

Tổng Giám đốc Công ty công bố Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cùng với bảng thuyết minh đính kèm cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



**Ông HUỲNH VĂN SƠN**  
Tổng Giám đốc

Hậu Giang, ngày 22 tháng 8 năm 2014



Số: 055A/2014/BCKT-CT.099

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Quý cổ đông**  
**Các thành viên Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc**  
**Công ty Cổ Phần Thương Mại – Dịch Vụ VDA – Hậu Giang**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ Phần Thương Mại – Dịch Vụ VDA – Hậu Giang, được lập ngày 22 tháng 8 năm 2014, từ trang 5 đến trang 23, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

**Trách nhiệm của Tổng Giám đốc**

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ Phần Thương Mại – Dịch Vụ VDA – Hậu Giang tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, cũng như Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

### Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ Phần Thương Mại – Dịch Vụ VDA – Hậu Giang cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã được kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Kiểm toán này đã được công ty kiểm chấp nhận từng phần đối với báo cáo tài chính này tại ngày 13 tháng 2 năm 2012.



A handwritten signature in blue ink, likely belonging to Nguyễn Thị Ngọc Bích, the auditor.

**TRANG ĐẶC NHA**

**Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2111-2013-009-1

**NGUYỄN THỊ NGỌC BÍCH**

**Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0600-2013-009-1

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM – CHI NHANH CÁN THƠ**

Thành phố Cần Thơ, ngày 22 tháng 8 năm 2014





## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>2.498.693.682</b>	<b>1.513.675.683</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4.1</b>	<b>2.175.198.687</b>	<b>288.322.923</b>
Tiền	111		75.198.687	88.322.923
Các khoản tương đương tiền	112		2.100.000.000	200.000.000
<b>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
Dự phòng giảm giá CK đầu tư ngắn hạn	129		-	-
<b>Các khoản phải thu</b>	<b>130</b>		<b>189.625.625</b>	<b>991.384.000</b>
Phải thu khách hàng	131		-	120.384.000
Trả trước cho người bán	132		-	30.000.000
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
Các khoản phải thu khác	135	4.2	581.000.000	841.000.000
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139	4.3	(391.374.375)	-
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		-	-
Hàng tồn kho	141		-	-
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>133.869.370</b>	<b>233.968.760</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		15.480.828	29.250.030
Thuế GTGT được khấu trừ	152	4.6	60.551.542	180.678.730
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154		-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	158		57.837.000	24.040.000

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>50.536.421.547</b>	<b>49.898.183.098</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
Phải thu nội bộ dài hạn	213		-	-
Phải thu dài hạn khác	218		-	-
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>13.282.470.260</b>	<b>16.386.173.273</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	4.4	302.470.260	345.680.304
Nguyên giá	222		452.168.963	452.168.963
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(149.698.703)	(106.488.659)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
Tài sản cố định vô hình	227		-	-
Nguyên giá	228		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		12.980.000.000	16.040.492.969
<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		<b>37.216.067.474</b>	<b>33.456.192.203</b>
Nguyên giá	241	4.5	42.064.261.829	36.926.013.689
Giá trị hao mòn lũy kế	242		(4.848.194.355)	(3.469.821.486)
<b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		-	-
Đầu tư vào công ty con	251		-	-
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	259		-	-
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>37.883.813</b>	<b>55.817.622</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261		37.883.813	55.817.622
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>53.035.115.229</b>	<b>51.411.858.781</b>



## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>1.789.540.549</b>	<b>2.070.298.875</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>789.540.549</b>	<b>1.070.298.875</b>
Vay và nợ ngắn hạn	311		-	-
Phải trả cho người bán	312		-	74.103.596
Người mua trả tiền trước	313		-	-
Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314	4.6	111.513.159	147.703.874
Phải trả công nhân viên	315		4.381.798	-
Chi phí phải trả	316		-	-
Phải trả nội bộ	317		-	-
Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	4.7	673.645.592	848.491.405
Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323		-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>1.000.000.000</b>	<b>1.000.000.000</b>
Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
Phải trả dài hạn khác	333	4.8	1.000.000.000	1.000.000.000
Vay và nợ dài hạn	334		-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
Quỹ phát triển khoa học công nghệ	339		-	-
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>51.245.574.680</b>	<b>49.341.559.906</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	4.9	<b>51.245.574.680</b>	<b>49.341.559.906</b>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		49.200.000.000	47.900.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
Cổ phiếu quỹ	414		-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
Lợi nhuận chưa phân phối	420		2.045.574.680	1.441.559.906
Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
<b>Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
Nguồn kinh phí	432		-	-
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>53.035.115.229</b>	<b>51.411.858.781</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI – DỊCH VỤ VDA – HẬU GIANG  
Khu Công Nghiệp Tân Phú Thạnh, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
Tài sản thuê ngoài		-	-
Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi		-	-
Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
Ngoại tệ các loại		-	-
Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-



**NGUYỄN NGỌC TÂM**  
Kế toán trưởng/ Người lập biểu



**HUYNH VĂN SƠN**

**Tổng Giám đốc**

Hậu Giang, ngày 22 tháng 8 năm 2014



CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI – DỊCH VỤ VDA – HẬU GIANG  
 Khu Công Nghiệp Tân Phú Thạnh, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

	Mã số	Thuyết minh	2012 VND	2011 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	3.622.254.462	3.268.486.441
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>10</b>	<b>5.1</b>	<b>3.622.254.462</b>	<b>3.268.486.441</b>
Giá vốn hàng bán	11	5.2	1.764.723.515	2.218.134.215
<b>Lợi nhuận gộp</b>	<b>20</b>		<b>1.857.530.947</b>	<b>1.050.352.226</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	97.069.893	600.877.297
Chi phí tài chính	22		1.957.151	3.641.133
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		-	-
Chi phí bán hàng	24		11.887.275	71.920.178
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		1.167.835.114	1.041.516.920
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>772.921.300</b>	<b>534.151.292</b>
Thu nhập khác	31		-	-
Chi phí khác	32	5.4	132.000.000	172.102.643
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>(132.000.000)</b>	<b>(172.102.643)</b>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>640.921.300</b>	<b>362.048.649</b>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	5.5	23.778.186	133.906.346
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>617.143.114</b>	<b>228.142.303</b>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.7	128	48



NGUYỄN NGỌC TÂM  
 Kế toán trưởng/ Người lập biểu



HUYỀN VĂN SƠN  
 Tổng Giám đốc

Hậu Giang, ngày 22 tháng 8 năm 2014



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp gián tiếp)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

	Mã số	2012 VND	2011 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
Lợi nhuận trước thuế	01	640.921.300	362.048.649
<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>			
Khấu hao tài sản cố định	02	1.421.582.913	1.966.325.213
Các khoản dự phòng/ (hoàn nhập)	03	391.374.375	-
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	-	-
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(97.069.893)	(600.877.297)
Chi phí lãi vay	06	-	-
<b>Lợi nhuận KD trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>2.356.808.695</b>	<b>1.727.496.565</b>
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	496.714.188	443.598.330
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	-	-
Tăng/ (giảm) các khoản phải trả	11	(244.380.165)	(640.392.390)
(Tăng)/ giảm chi phí trả trước	12	31.703.011	(51.990.455)
Tiền lãi vay đã trả	13	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(73.284.687)	(160.426.698)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>2.567.561.042</b>	<b>1.318.285.352</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
Tiền chi mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21	(2.077.755.171)	(9.848.871.655)
Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	97.069.893	600.877.297
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(1.980.685.278)</b>	<b>(9.247.994.358)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
Tiền thu từ nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	1.300.000.000	900.000.000
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu	32	-	-
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	-	-
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>1.300.000.000</b>	<b>900.000.000</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ</b>	<b>50</b>	<b>1.886.875.764</b>	<b>(7.029.709.006)</b>
<b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỲ</b>	<b>60</b>	<b>288.322.923</b>	<b>7.318.031.929</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
<b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ</b>	<b>70</b>	<b>2.175.198.687</b>	<b>288.322.923</b>

NGUYỄN NGỌC TÂM

Kế toán trưởng/ Người lập biểu



HUYNH VĂN SƠN

Tổng Giám đốc

Hậu Giang, ngày 22 tháng 8 năm 2014



Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

## 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

Công ty Cổ Phần Thương Mại – Dịch Vụ VDA – Hậu Giang (“Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận đầu tư số 642031000002 của Ban quản lý Các Khu Công Nghiệp tỉnh Hậu Giang cấp lần đầu ngày 05 tháng 5 năm 2008 và Giấy Chứng nhận đầu tư thay đổi lần thứ 2 ngày 04 tháng 4 năm 2012.

Văn phòng của Công ty được đặt Khu Công Nghiệp Tân Phú Thạnh, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

Trong năm 2012, hoạt động chính của Công ty là kinh doanh hệ thống kho vận.

Đến ngày 31 tháng 12 năm 2012, tổng số nhân viên của Công ty là 3 người (31/12/2011: 3 người).

## 2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”), được lập theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở giá gốc. Các chính sách kế toán được Công ty áp dụng nhất quán và phù hợp với các chính sách kế toán đã được sử dụng trong những năm trước.

Năm tài chính của Công ty được bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong kế toán là VND.

Hình thức sổ kế toán áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

## 3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

### 3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

### 3.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập Bảng cân đối kế toán.

### 3.3 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của một tài sản cố định bao gồm giá mua và các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đó vào sử dụng. Những chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được chuyển hóa thành tài sản cố định, những chi phí bảo trì và sửa chữa được ghi vào chi phí của năm hiện hành.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Khi bán hay thanh lý tài sản, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của tài sản được xóa sổ trong các báo cáo tài chính và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được tính theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian hữu ích ước tính của các tài sản như sau:

	2012	2011
Máy móc thiết bị	10 năm	7 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	2 năm	2 năm

### 3.4 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất, nhà, hoặc một phần của nhà hoặc cả nhà và đất, cơ sở hạ tầng do người chủ sở hữu hoặc người đi thuê tài sản theo hợp đồng thuê tài chính nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí bằng tiền hoặc tương đương tiền mà doanh nghiệp phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành bất động sản đầu tư đó.

Chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu phải được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá bất động sản đầu tư.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

	2012	2011
Hệ thống nhà kho	30 năm	18 năm

Giá trị khấu hao theo khung cũ và khung mới cụ thể như sau:

	Khấu hao theo khung cũ VND	Khấu hao theo khung mới VND	Chênh lệch VND
Hệ thống nhà kho	1.984.351.584	1.478.372.689	765.762.706

### 3.5 Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước chủ yếu là chi phí công cụ dụng cụ xuất dùng được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong khoảng thời gian từ 24 tháng.

### 3.6 Các khoản phải trả và phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

### 3.7 Tiền lương

Tiền lương phân bổ vào chi phí trong năm được căn cứ vào mức lương và các khoản phụ cấp đã được thỏa thuận trên hợp đồng lao động.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

### 3.8 Các khoản trích theo lương

Bảo hiểm xã hội được trích trên tiền lương cơ bản theo hợp đồng lao động vào chi phí là 17% và trừ lương cán bộ công nhân viên là 7%.

Bảo hiểm y tế được trích trên lương cơ bản vào chi phí là 3% và trừ vào lương cán bộ công nhân viên là 1,5%.

Bảo hiểm thất nghiệp được trích trên lương cơ bản vào chi phí là 1% và trừ vào lương cán bộ công nhân viên là 1%.

### 3.9 Doanh thu

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

*Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

### 3.10 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") trong năm, nếu có, bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến các năm trước.

Công ty được ưu đãi đầu tư về thuế TNDN theo Giấy Chứng nhận đầu tư số 642031000002 do Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Hậu Giang cấp lần đầu ngày 05 tháng 5 năm 2008, cấp thay đổi lần 2 ngày 04 tháng 4 năm 2012, dự án này thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo qui định tại Nghị định số 124/2008/NĐ-CP ngày 11/12/2008 của Chính phủ:

- + Áp dụng thuế suất 10% trong 15 năm kể từ năm 2010;
- + Miễn thuế 4 năm kể từ năm 2010, năm 2012 là năm thứ 3 Công ty được miễn thuế TNDN;
- + Giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm kể từ năm 2014;

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp số dư nợ trên bảng cân đối kế toán, dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích thuế. Giá trị của khoản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả được dự kiến sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế có liên quan sẽ được thực hiện.

### 3.11 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

### 3.12 Các bên có liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động. Các bên cũng được coi là liên quan nếu cùng được kiểm soát hoặc cùng chịu sự ảnh hưởng đáng kể của một bên thứ ba.

Các công ty sau đây được xem là các bên có liên quan

Công ty	Địa điểm	Quan hệ
Công ty CP Đầu Tư và Phát Triển Hệ Thống Phân Phối Việt Nam	Việt Nam	Cổ đông sáng lập
Liên Hiệp Hợp Tác Xã Thương Mại Thành Phố Hồ Chí Minh	Việt Nam	Cổ đông lớn

## 4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

### 4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Tiền mặt tồn quỹ – VND	24.947.505	21.627.483
Tiền gửi ngân hàng – VND	50.251.182	66.695.440
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn không quá 3 tháng - VND (*)	2.100.000.000	200.000.000
	<u>2.175.198.687</u>	<u>288.322.923</u>

(\*) Số dư tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng tại ngày 31/12/2012 là 2.100.000.000 VND. Đây là tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng với lãi suất 9%/năm tại Ngân hàng MB - chi nhánh Cần Thơ và Ngân hàng SCB - chi nhánh Cần Thơ.

### 4.2 Các khoản phải thu khác

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Phải thu bồi thường	581.000.000	581.000.000
Phải thu khác	-	260.000.000
	<u>581.000.000</u>	<u>841.000.000</u>

### 4.3 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Biến động trong năm của dự phòng phải thu khó đòi:

	2012 VND	2011 VND
Số dư đầu năm	-	-
Trích lập dự phòng trong năm	(391.374.375)	-
Số dư cuối năm	<u>(391.374.375)</u>	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI – DỊCH VỤ VDA – HẬU GIANG  
 Khu Công Nghiệp Tân Phú Thạnh, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

**4.4 Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình**

	Máy móc thiết bị VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>			
Vào ngày 01/01/2012	432.100.392	20.068.571	452.168.963
Mua sắm	-	-	-
Vào ngày 31/12/2012	432.100.392	20.068.571	452.168.963
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Vào ngày 01/01/2012	86.420.088	20.068.571	106.488.659
Khấu hao trong năm	43.210.044	-	43.210.044
Vào ngày 31/12/2012	129.630.132	20.068.571	149.698.703
<b>Giá trị còn lại</b>			
Vào ngày 01/01/2012	345.680.304	-	345.680.304
Vào ngày 31/12/2012	302.470.260	-	302.470.260

**4.5 Bất động sản đầu tư**

	Hệ thống kho VND
<b>Nguyên giá</b>	
Vào ngày 01/01/2012	36.926.013.689
Xây dựng cơ bản hoàn thành	5.138.248.140
Vào ngày 31/12/2012	42.064.261.829
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	
Vào ngày 01/01/2012	3.469.821.486
Khấu hao trong năm	1.378.372.869
Vào ngày 31/12/2012	4.848.194.355
<b>Giá trị còn lại</b>	
Vào ngày 01/01/2012	33.456.192.203
Vào ngày 31/12/2012	37.216.067.474

**4.6 Thuế**

**Thuế Giá trị gia tăng được khấu trừ**

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	60.551.542	180.678.730



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

### Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	97.528.185	133.906.346
Thuế thu nhập cá nhân	13.984.974	13.797.528
	<b>111.513.159</b>	<b>147.703.874</b>

### 4.7 Phải trả khác

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Kinh phí công đoàn	183.108	7.341.405
Phải trả xử lý xây dựng	641.000.000	581.000.000
Phải trả thù lao Hội đồng quản trị	30.300.000	-
Phải trả khác	2.162.484	260.150.000
	<b>673.645.592</b>	<b>848.491.405</b>

### 4.8 Phải trả dài hạn khác

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Nhận ký quỹ dài hạn	1.000.000.000	1.000.000.000

Đây là khoản nhận ký quỹ dài hạn của Liên Hiệp Hợp Tác Xã Thương Mại Thành Phố Hồ Chí Minh (Saigon Co.op) để thuê kho của Công ty.

### 4.9 Vốn chủ sở hữu ("CSH")

	Vốn đầu tư của CSH VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cộng VND
Số dư tại ngày 01/01/2011	47.000.000.000	1.213.417.603	48.213.417.603
Nhận vốn góp bằng tiền	900.000.000	-	900.000.000
Lãi trong năm 2011	-	228.142.303	228.142.303
Số dư tại ngày 01/01/2012	47.900.000.000	1.441.559.906	49.341.559.906
Nhận vốn góp bằng tiền	1.300.000.000	-	1.300.000.000
Lãi trong năm 2012	-	617.143.114	617.143.114
Chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	-	(13.128.340)	(13.128.340)
Số dư tại ngày 31/12/2012	<b>49.200.000.000</b>	<b>2.045.574.680</b>	<b>51.245.574.680</b>

Đến thời điểm 31/12/2012 vốn đầu tư của chủ sở hữu thực góp vốn là 49.200.000.000 VND, so với vốn điều lệ đăng ký 60.000.000.000 VND thì vốn điều lệ chưa góp đủ là 10.800.000.000 VND.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2012		31/12/2011	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
<b>Vốn cổ phần được duyệt</b>	<b>6.000.000</b>	<b>60.000.000.000</b>	<b>6.000.000</b>	<b>60.000.000.000</b>
<b>Vốn cổ phần đã phát hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	4.920.000	49.200.000.000	4.790.000	47.900.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-	-	-
	<b>4.920.000</b>	<b>49.200.000.000</b>	<b>4.790.000</b>	<b>47.900.000.000</b>
<b>Cổ phiếu quỹ</b>				
Cổ phiếu phổ thông	-	-	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-	-	-
	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Số cổ phiếu đang lưu hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	4.920.000	49.200.000.000	4.790.000	47.900.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-	-	-
	<b>4.920.000</b>	<b>49.200.000.000</b>	<b>4.790.000</b>	<b>47.900.000.000</b>

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Biến động vốn cổ phần trong năm như sau:

	2012		2011	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Số dư đầu năm	4.790.000	47.900.000.000	4.700.000	47.000.000.000
Cổ phiếu phát hành trong năm	130.000	1.300.000.000	90.000	900.000.000
Cổ phiếu quỹ mua lại trong năm	-	-	-	-
Giảm vốn cổ phần trong năm	-	-	-	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>4.920.000</b>	<b>49.200.000.000</b>	<b>4.790.000</b>	<b>47.900.000.000</b>

Chi tiết vốn đầu tư của các cổ đông Công ty như sau:

	31/12/2012		01/01/2012	
	Vốn thực góp VND	Theo giấy phép VND	Vốn thực góp VND	Theo giấy phép VND
Công ty CP Đầu tư và Phát Triển Hệ Thống Phân Phối Việt Nam	24.000.000.000	59.800.000.000	22.700.000.000	59.800.000.000
Liên Hiệp Hợp Tác Xã Thương Mại Thành Phố Hồ Chí Minh	12.500.000.000	-	12.500.000.000	-
Tổng Công ty Thương Mại Sài Gòn	12.500.000.000	-	12.500.000.000	-
Ông Lưu Đức Hòa	100.000.000	100.000.000	100.000.000	100.000.000
Ông Phạm Hoàng Hà	100.000.000	100.000.000	100.000.000	100.000.000
	<b>49.200.000.000</b>	<b>60.000.000.000</b>	<b>47.900.000.000</b>	<b>60.000.000.000</b>



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

### 5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

#### 5.1 Doanh thu

	2012 VND	2011 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.622.254.462	3.268.486.441

#### 5.2 Giá vốn hàng bán

	2012 VND	2011 VND
Giá vốn dịch vụ	1.764.723.515	2.218.134.215

#### 5.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	2012 VND	2011 VND
Lãi tiền gửi	97.069.893	600.877.297

#### 5.4 Chi phí khác

	2012 VND	2011 VND
Thù lao hội đồng quản trị không trực tiếp điều hành	132.000.000	132.000.000
Các khoản truy thu và phạt	-	40.102.643
	<u>132.000.000</u>	<u>172.102.643</u>

#### 5.5 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được dự tính như sau:

	2012 VND	2011 VND
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>640.921.300</b>	<b>362.048.649</b>
Hoạt động kinh doanh miễn thuế	545.808.558	(235.187.515)
Hoạt động khác	95.112.742	597.236.164
<b>Các khoản điều chỉnh lợi nhuận kế toán</b>		
Tăng do chi phí không được khấu trừ	-	1.474.091
Tăng do truy thu và phạt	-	40.102.643
Tăng do thù lao hội đồng quản trị không trực tiếp điều hành	132.000.000	132.000.000
Giảm do bổ sung chi phí khấu hao theo Thông tư 203	(765.762.706)	-
<b>Tổng thu nhập chịu thuế</b>	<b>7.158.594</b>	<b>535.625.383</b>
Thu nhập miễn thuế	(87.954.148)	-
Thu nhập khác thuế suất 25%	95.112.742	535.625.383
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b><u>23.778.186</u></b>	<b><u>133.906.346</u></b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

### 5.6 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	2012 VND	2011 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	40.772.424	83.800.468
Chi phí nhân công	609.633.998	576.344.597
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.421.582.913	1.966.325.213
Chi phí dịch vụ mua ngoài	230.347.398	231.842.102
Chi phí bằng tiền khác	236.940.194	211.415.640
	<b>2.539.276.927</b>	<b>3.069.728.020</b>

### 5.7 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	2012 VND	2011 VND
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	617.143.114	228.142.303
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân năm	4.806.250	4.707.500
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>128</b>	<b>48</b>

## 6. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

### Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty.

Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản vay và nợ các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của những khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm duy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Công ty.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty.

### Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại thuyết minh số 3.

### Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.175.198.687	288.322.923
Phải thu	189.625.625	961.384.000
	<b>2.364.824.312</b>	<b>1.249.706.923</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>		
Phải trả người bán	-	74.103.596
Phải trả khác	1.673.462.484	1.841.150.000
	<b>1.673.462.484</b>	<b>1.915.253.596</b>



Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng chưa đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Các rủi ro tài chính chủ yếu của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

#### **Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu sẽ chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất.

#### *Rủi ro lãi suất*

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty liên quan đến các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

#### **Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng.

#### *Phải thu khách hàng*

Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng. Các khoản phải thu khách hàng thường xuyên được theo dõi. Trên cơ sở này và các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

#### *Tiền gửi ngân hàng*

Công ty chủ yếu duy trì tiền gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

#### **Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

<b>31/12/2012</b>	<b>Dưới 1 năm VND</b>	<b>Từ 1 – 5 năm VND</b>	<b>Tổng VND</b>
Phải trả người bán	-	-	-
Phải trả khác	673.462.484	1.000.000.000	1.673.462.484
	<b>673.462.484</b>	<b>1.000.000.000</b>	<b>1.673.462.484</b>

<b>01/01/2012</b>	<b>Dưới 1 năm VND</b>	<b>Từ 1 – 5 năm VND</b>	<b>Tổng VND</b>
Phải trả người bán	74.103.596	-	74.103.596
Phải trả khác	841.150.000	1.000.000.000	1.841.150.000
	<b>915.253.596</b>	<b>1.000.000.000</b>	<b>1.915.253.596</b>

Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

<b>31/12/2012</b>	<b>Dưới 1 năm VND</b>	<b>Từ 1 – 5 Năm VND</b>	<b>Tổng VND</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.175.198.687	-	2.175.198.687
Phải thu	189.625.625	-	189.625.625
	<b>2.364.824.312</b>	<b>-</b>	<b>2.364.824.312</b>

<b>01/01/2012</b>	<b>Dưới 1 năm VND</b>	<b>Từ 1 – 5 năm VND</b>	<b>Tổng VND</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	288.322.923	-	288.322.923
Phải thu	961.384.000	-	961.384.000
	<b>1.249.706.923</b>	<b>-</b>	<b>1.249.706.923</b>

### Tài sản đảm bảo

Công ty không có tài sản thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo các khoản vay.

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác vào ngày 31/12/2012 và ngày 01/01/2012.



CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI – DỊCH VỤ VDA – HẬU GIANG  
 Khu Công Nghiệp Tân Phú Thạnh, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

**7. CÁC THÔNG TIN KHÁC**

**7.1 Các giao dịch chủ yếu với các bên có liên quan**

**Nghiệp vụ chủ yếu với các bên có liên quan**

Trong năm tài chính này có phát sinh nghiệp vụ chủ yếu với các bên có liên quan như sau:

Các công ty liên quan	Nội dung nghiệp vụ	2012 VND	2011 VND
Công ty Cổ Phần Đầu Tư và Phát Triển Hệ Thống Phân Phối Việt Nam	Thuê xe Phải trả khác	27.000.000 2.012.484	- -
Liên Hiệp Hợp Tác Xã Thương Mại Thành Phố Hồ Chí Minh	Cho thuê kho Phải thu tiền điện	2.738.952.000 106.249.431	- -

Số dư các khoản phải thu/(phải trả) với các bên có liên quan như sau:

Các công ty liên quan	Nội dung nghiệp vụ	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Công ty Cổ Phần Đầu Tư và Phát Triển Hệ Thống Phân Phối Việt Nam	Phải trả khác	(2.012.484)	-
Liên Hiệp Hợp Tác Xã Thương Mại Thành Phố Hồ Chí Minh	Phải trả nhận ký quỹ Phải trả khác	(1.000.000.000) (150.000)	(1.000.000.000) (150.000)

**Thù lao cho các thành viên Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc:**

	2012 VND	2011 VND
Lương và thưởng	212.997.654	245.405.880
Các khoản khác	132.000.000	132.000.000
	<b>344.997.654</b>	<b>377.405.880</b>

**7.2 Báo cáo bộ phận**

Công ty không trình bày báo cáo bộ phận trên báo cáo tài chính bởi vì Tổng Giám đốc Công ty đã đánh giá và kết luận rằng Công ty không có nhiều hơn một bộ phận (cả lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý) để báo cáo theo qui định của chuẩn mực kế toán. Công ty hiện chỉ hoạt động chủ yếu ở một lĩnh vực duy nhất là kinh doanh hệ thống kho vận và khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam.


**7.3 Số dư đầu kỳ**


Công ty trình bày lại một số chỉ tiêu trong báo cáo tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2011 do phát hiện sai sót.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bảng cân đối kế toán	Mã số	Báo cáo kiểm toán 31/12/2011 VND	Trình bày lại số dư 01/01/2012 VND	Chênh lệch VND
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	-	12.980.000.000	12.980.000.000
Bất động sản đầu tư	240	46.141.192.207	33.456.192.203	(12.685.000.004)
Nguyên giá	241	49.906.013.689	36.926.013.689	(12.980.000.000)
Giá trị hao mòn lũy kế	242	(3.764.821.482)	(3.469.821.486)	294.999.996
Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314	73.953.875	147.703.874	73.749.999
Lợi nhuận chưa phân phối	420	1.220.309.909	1.441.559.906	221.249.997
<b>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh</b>		<b>Báo cáo kiểm toán kết quả hoạt động kinh doanh năm 2011 VND</b>	<b>Trình bày lại kết quả hoạt động kinh doanh năm 2011 VND</b>	<b>Chênh lệch VND</b>
Giá vốn	11	2.513.134.211	2.218.134.215	(294.999.996)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	67.048.653	362.048.649	294.999.996
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	60.156.347	133.906.346	73.749.999
Lợi nhuận sau thuế	60	6.892.306	228.142.303	221.249.997
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	1	48	47
<b>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ</b>		<b>Báo cáo kiểm toán dòng tiền năm 2011 VND</b>	<b>Trình bày lại dòng tiền năm 2011 VND</b>	<b>Chênh lệch VND</b>
Lợi nhuận trước thuế	01	67.048.653	362.048.649	294.999.996
Khấu hao tài sản cố định	02	2.261.325.209	1.966.325.213	(294.999.996)

  
**NGUYỄN NGỌC TÂM**  
 Kế toán trưởng/ Người lập biểu

  
**HUỲNH VĂN SƠN**  
 Tổng Giám đốc  
 Hậu Giang, ngày 22 tháng 8 năm 2014